

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2024

V/v: “Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Ngọc Tam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Tuấn;

2. Bà Hồ Thị Hoàng Nga;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoàng Sa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa: Không

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/20203/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST – HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024; giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mỹ T**, sinh năm 2002.*

*Địa chỉ: **Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam**;*

*- Bị đơn: Anh **Tô Quang Đ**, sinh năm 2001.*

*Địa chỉ: **Thôn P, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam**;*

** Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 11 năm 2023 và qua các lần hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Trần Thị Mỹ T** trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Mỹ T** và anh **Tô Quang Đ** là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Q, huyện N** vào ngày 10/8/2022. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh **Đ** chơi bời, đi làm về không đưa tiền nuôi vợ con và có hành vi vũ phu, đánh đập, xúc phạm chị **T**. Từ tháng 11/2023 đến nay chị **T** và anh **Đ** không sống chung. Nay chị **T** thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị **T** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Tô Quang Đ**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Tô Trần Bảo H, sinh ngày 08/9/2022. Hiện cháu H đang ở cùng anh Đ. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng giao con cho anh Đ nuôi và chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai, qua các lần hòa giải và tại phiên tòa, anh Tô Quang Đ trình bày:

- Về Quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N vào ngày 10/8/2022. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai vợ chồng còn trẻ nên thường xuyên cãi vã, nhiều lần không kiềm chế được anh Đ có đánh chị T. Từ tháng 11/2023 đến nay chị T bỏ nhà về mẹ ruột của chị tại thôn L, xã Q để sinh sống. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh xét thấy còn yêu thương chị nên không đồng ý ly hôn, anh Đ có nguyện vọng xin được đoàn tụ.

- Về con chung: Có 01 cháu tên Tô Trần Bảo H, sinh ngày 08/9/2022 và nếu chị T kiên quyết ly hôn anh Đ có nguyện vọng nuôi cháu, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Anh Tô Quang Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ T và anh Tô Quang Đ xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2022 tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo giấy Chứng nhận kết hôn số 27 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy: Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh Đ thường xuyên cãi vã, anh Đ còn nhiều lần đánh đập chị T, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên chị T phải bỏ về cha mẹ ruột tại xã Q từ tháng 11/2023 đến nay và hai người không chung sống với nhau nữa, cũng không liên quan gì về kinh tế. Nay chị Thu n thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Tô Quang Đ. Quá trình giải quyết vụ án chị T kiên quyết xin ly hôn, anh Đ xin đoàn tụ; song từ khi hai người không sống chung với nhau anh Đ không hề thay đổi cũng không có biện pháp gì khắc phục tình trạng gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Trần Thị Mỹ

T và anh **Tô Quang Đ** ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Có một con chung tên **Tô Trần Bảo H**, sinh ngày 08/9/2022. Hiện cháu **H** đang ở cùng anh **Đ**. Khi ly hôn chị **T** có nguyện vọng giao con cho anh **Đ** nuôi, anh **Đ** cũng có nguyện vọng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của hai bên. Áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, anh **Tô Quang Đ** được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục **Tô Trần Bảo H**, sinh ngày 08/9/2022 cho đến khi trưởng thành. Chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **Trần Thị Mỹ T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Mỹ T** về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Trần Thị Mỹ T** được ly hôn đối với anh **Tô Quang Đ**. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh **Tô Quang Đ** được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục **Tô Trần Bảo H**, sinh ngày 08/9/2022 cho đến khi thành niên. Chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giá dục con mà không ai được quyền cản trở.

Khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về Án phí: Chị **Trần Thị Mỹ T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0020258, ngày 23/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã QL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Ngọc Tam**